

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam
Mã chứng khoán: **CTX**
Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: (024) 6281.2000 Fax: (024) 3782.0176
2. Người thực hiện công bố thông tin:
Ông: Trần Anh Hải
3. Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý III năm 2020 của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được lập ngày 30/10/2020 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 30/10/2020 tại đường dẫn: <http://www.ctx.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin công bố.

(*) Tài liệu đính kèm: 
- Báo cáo tài chính quý III năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD, HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu TKTCT, VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Anh Hải

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Mã chứng khoán: **CTX**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - Tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại : (024) 6281.2000

Fax: (024) 3782.0176

Email: info@ctx.vn

2. Người thực hiện công bố thông tin:

Ông: Trần Anh Hải

3. Nội dung thông tin công bố:

Giải trình LNST quý III.2020 chênh lệch 10% so với cùng kỳ năm 2019:

- LNST trên kết quả kinh doanh công ty mẹ quý III.2020 giảm so với quý III.2019 nguyên nhân chủ yếu do doanh thu giảm.
- LNST trên kết quả kinh doanh hợp nhất quý III.2020 giảm so với quý III.2019 nguyên nhân chủ yếu do doanh thu giảm.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/10/2020 tại đường dẫn: <http://www.ctx.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, BKS (để b/c);
- Lưu TKTCT, VT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trần Anh Hải

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính Công ty Mẹ quý III/2020



	Trang
MỤC LỤC	
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng Cân đối kế toán	3 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tầng 2-nhà HH2-Đường Dương Đình Nghệ – KĐT Yên Hòa - Quận Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được chuyển đổi (cổ phần hóa) theo Quyết định số 565/QĐ-BXD ngày 13/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam thành Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Tổng Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017485 lần đầu ngày 25/05/2007, thay đổi lần thứ 12 ngày 04/10/2019 – số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0100109441 .

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký kinh doanh là 789.072.760.000 đồng (Bảy trăm tám mươi chín tỷ không trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại tầng 2 nhà HH2 - Đường Dương Đình Nghệ – khu đô thị Yên Hòa- Phường Yên Hòa-Quận Cầu Giấy – Thành Phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hưng	Ủy viên
Ông Trần Khanh	Ủy viên
Bà Chu Thị Hồng Hạnh	Ủy viên
Ông Lý Quốc Hùng	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Lý Văn Khả	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Toàn Thắng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Phan Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Lý Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tường Hải	Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 03 đến trang 29 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty hiện nay là Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 02 tháng 02 năm 2016;

T.U.Q TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30-09-2020 VND	01-01-2020 VND
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		990.959.260.731	872.747.531.913
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	13.877.004.630	15.570.067.958
1. Tiền	111		13.877.004.630	15.570.067.958
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	40.203.645.251	50.203.645.251
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.549.370.051	2.549.370.051
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2.345.724.800)	(2.345.724.800)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		905.595.411.631	756.852.513.706
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3	287.576.041.389	317.382.236.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4	150.082.256.440	141.400.980.240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		324.912.276.136	325.962.757.061
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	278.864.899.674	107.946.601.844
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(135.840.062.008)	(135.840.062.008)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		16.886.887.310	34.137.278.109
1. Hàng tồn kho	141	6	16.886.887.310	34.137.278.109
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.396.311.909	15.984.026.889
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			1.726.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.394.522.679	15.980.511.295
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.789.230	1.789.230

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30-09-2020 VND	01-01-2020 VND
1	2	3	4	5
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.242.575.698.169	1.221.409.907.958
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.450.141	8.579.201.241
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
2. Phải thu dài hạn khác	216		3.450.141	8.579.201.241
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		1.785.671.885	1.974.853.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.785.671.885	1.974.853.730
- Nguyên giá	222		7.783.080.485	7.783.080.485
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.997.408.600)	(5.808.226.755)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
III. Bất động sản đầu tư	230	8	16.258.554.649	17.253.099.136
- Nguyên giá	231		34.003.079.625	34.003.079.625
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(17.744.524.976)	(16.749.980.489)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		502.584.351.118	448.485.594.500
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	502.584.351.118	448.485.594.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	2	721.867.353.753	744.115.977.552
1. Đầu tư vào công ty con	251		770.576.399.998	770.576.399.998
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.933.412.413	32.933.412.413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.012.898.701	12.012.898.701
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(93.655.357.359)	(71.406.733.560)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		76.316.623	1.001.181.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	76.316.623	1.001.181.799
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.233.534.958.900	2.094.157.439.871

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30-09-2020 VND	01-01-2020 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.186.943.863.602	1.222.321.787.520
I. Nợ ngắn hạn	310		1.146.612.930.573	1.202.637.858.863
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	343.777.879.063	395.055.170.225
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	56.134.298.381	54.203.498.867
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.185.425.166	17.272.918.982
4. Phải trả người lao động	314		1.110.176.831	2.134.210.106
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	201.095.609.561	305.381.275.741
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			66.753.588
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	94.896.720.457	42.577.068.902
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	10	445.412.821.114	385.946.962.452
II. Nợ dài hạn	330		40.330.933.029	19.683.928.657
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	16		2.370.802.637
2. Phải trả dài hạn khác	337	14	17.313.126.020	17.313.126.020
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	23.017.807.009	
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.046.591.095.298	871.835.652.351
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.046.591.095.298	871.835.652.351
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		789.072.760.000	789.072.760.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		257.518.335.298	82.762.892.351
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.762.892.351	82.762.892.351
- LNST chưa PP kỳ này	421b		174.755.442.947	
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.233.534.958.900	2.094.157.439.871

T.U.Q TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III/2020

ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 3/2020	Quý 3/2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này năm trước
1	2	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	3.824.370.271	182.711.540.179	37.710.795.972	324.076.267.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	3.824.370.271	182.711.540.179	37.710.795.972	324.076.267.600
4. Giá vốn hàng bán	11	3.283.910.494	152.156.745.130	14.488.592.536	262.529.038.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	540.459.777	30.554.795.049	23.222.203.436	61.547.229.331
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.605.399.549	26.462.332.946	186.134.975.528	41.252.144.312
7. Chi phí tài chính	22	5.157.370.386	-	22.248.623.800	35.035.878.293
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23				
8. Chi phí bán hàng	25				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.871.131.739	1.730.939.035	5.625.794.476	6.191.945.415
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	(4.882.642.799)	55.286.188.960	181.482.760.688	61.571.549.935
11. Thu nhập khác	31	215.406.397	-	1.753.750.099	5.000.552
12. Chi phí khác	32	38.817.681	11.958.400	8.481.067.840	135.164.136
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	176.588.716	(11.958.400)	(6.727.317.741)	(130.163.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(4.706.054.083)	55.274.230.560	174.755.442.947	61.441.386.351
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		11.057.237.792		12.401.989.104
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	(4.706.054.083)	44.216.992.768	174.755.442.947	49.039.397.247
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70				

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý III/2020

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	30/09/2020	30/09/2019
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(4.706.054.083)	55.274.230.560
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		394.575.444	394.575.444
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3.551.970.836	(26.462.332.946)
- Chi phí lãi vay	06			
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(759.507.803)	29.206.473.058
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		322.276.334	(52.821.257.308)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.128.959.072	(4.989.669.008)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38.555.931.859	83.579.165.446
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.573.068	263.748.359
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.259.232.530	55.238.460.547
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(38.936.557.303)	(6.830.723.423)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			79.999.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.605.399.549	26.462.332.946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.331.157.754)	99.630.609.523

Chỉ tiêu	Mã số	TM	30/09/2020	30/09/2019
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			(11.057.237.792)
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(479.585.332)	(77.827.615.657)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(479.585.332)	(88.884.853.449)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1.448.489.444	65.984.216.621
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.428.515.186	19.493.689.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		13.877.004.630	85.477.905.820

T.U.Q TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Thông tin Tổng công ty:

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là Công ty Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam theo Quyết định số 655/QĐ-BXD được ban hành bởi Bộ Xây dựng ngày 13 tháng 4 năm 2007. Tổng Công ty nay là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100109441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 25 tháng 5 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 14 tháng 10 năm 2019.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Tư vấn giám sát xây dựng và mua sắm;
- ▶ Đầu tư, kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng và nhà ở; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát triển bất động sản, và xây lắp nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty có thể kéo dài từ 12 đến 36 tháng, tùy thuộc vào tính chất, phạm vi của các dự án bất động sản và hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty thực hiện.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các chi nhánh sau:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam tại Hải Dương	Số 42, phố Lê Chân, phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2. Trung tâm Kinh doanh Thương mại – Dịch vụ Constrexim TS – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam	Số 39, phố Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

1.2 Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Tổng Công ty có các công ty con như trình bày dưới đây:

STT	Tên công ty	Trụ sở chính theo đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty		Hoạt động chính
			Ngày 30 tháng 06 năm 2020 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)	
1	Công ty TNHH CTX Số 1	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Thi công, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp
2	Công ty TNHH CTX Số 2	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Đầu tư phát triển dự án Bất động sản
3	Công ty TNHH CTX Số 3	Tầng 2, Tòa nhà HH2 Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	100	100	Cung cấp dịch vụ quản lý và cho thuê bất động sản
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Constrexim	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	81	81	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	Số 39 Nguyễn Đình Chiểu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	100	100	Phát triển dự án đang quản lý và kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	94	94	Phát triển dự án bất động sản
7	Công ty Cổ phần Ocean View Nha Trang	Số 38 Trần Nhật Duật, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	89	89	Phát triển dự án bất động sản
8	Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	Số 184A, Thủ Khoa Huân, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	98	98	Phát triển dự án thủy điện
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina ("Công ty Indochina")	Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	99,9	99,9	Phát triển dự án khách sạn và trung tâm thương mại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Cơ sở tổng hợp báo cáo

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam, CN Constrexim Hải dương, Công ty XL số 5.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp đã ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 35
Máy móc thiết bị	04 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	25 năm
Tài sản khác	5 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết, đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty Mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty Mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền kiểm soát, quyền đưa ra ý kiến, tham gia ý kiến có tính chất quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là khoản đầu tư của Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không dưới dạng là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được theo dõi dựa trên các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập.

Đầu tư khác là các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản nợ và chi phí phát sinh liên quan đến việc đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh, đầu tư khác được hạch toán theo quy định hiện hành. Phần thu nhập được hạch toán tại thời điểm có phát sinh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty bao gồm giá trị lợi thế doanh nghiệp (thương hiệu), chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ nhất quán theo tiêu thức phù hợp.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỉ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỉ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	1.608.098.389	1.507.543.131
Tiền gửi ngân hàng	12.268.906.241	14.062.524.827
Tổng cộng	13.877.004.630	15.570.067.958

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Chứng khoán kinh doanh	2.549.370.051	2.549.370.051
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	50.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:	815.522.711.112	815.522.711.112
Đầu tư vào công ty con	770.576.399.998	770.576.399.998
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết	32.933.412.413	32.933.412.413
Đầu tư vào đơn vị khác	12.012.898.701	12.012.898.701
Tổng cộng	858.072.081.163	868.072.081.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh	30/09/2020		01/01/2020	
	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
Tên chứng khoán				
Công ty cổ phần Constrexim Viet CZ	5.600	862.400.000	5.600	862.400.000
Các cổ phiếu khác	27.079	1.686.970.051	27.079	1.483.324.800
Tổng cộng	32.679	2.549.370.051	32.679	(2.345.724.800)
				(2.345.724.800)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Đây là các chứng chỉ tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng và được hưởng lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đầu tư vào công ty con:

Đơn vị tính: VND

Các Công ty con	30/09/2020				01/01/2020			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty con sản xuất kinh doanh								
Công ty cổ phần CTX số 1	2.058.000	100%	20.580.000.000	1.056.614.350	2.058.000	100%	20.580.000.000	1.056.614.350
Công ty TNHH CTX số 3	-	100%	1.000.000.000	-	-	100%	1.000.000.000	-
Công ty TNHH CTX Số 2	-	100%	6.000.000.000	-	-	100%	6.000.000.000	-
Các Công ty con đầu tư dự án								
Công ty Cổ phần Đầu tư XD và TM Constrexim	810.000	81%	8.100.000.000	5.995.216.524	810.000	81%	8.100.000.000	5.995.216.524
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	-	100%	225.283.000.000	-	-	100%	225.283.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sum Lâm	9.588.000	94%	121.392.900.000	1.184.445.866	9.588.000	94%	121.392.900.000	1.184.445.866
Công ty Cổ phầnn Ocean View Nha Trang	5.317.750	89%	53.177.500.000	329.111.855	5.317.750	89%	53.177.500.000	329.111.855
Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	454.160	98%	102.142.999.998	26.966.594.347	454.160	98%	102.141.999.998	19.534.416.931
Công ty Cổ phần Đầu tư Indochina	19.990.000	99,95%	232.900.000.000	35.531.982.942	9.589.041	100%	232.900.000.000	19.534.416.931
Tổng cộng			770.576.399.998	35.531.982.942			770.575.399.998	28.099.805.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đầu tư vào công ty liên kết:

Đơn vị tính: VND

Tên đơn vị	30/09/2020				01/01/2020			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần ĐTXD và lắp máy Điện nước Constrexim Toàn Cầu	20.000	20%	1.000.000.000	1.000.000.000	20.000	20%	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Đông Đô	72.900	27%	2.700.000.000	2.700.000.000	72.900	27%	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần xây lắp và Sản xuất Cấu kiện Constrexim	54.000	30%	1.800.000.000	1.800.000.000	54.000	30%	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Hồng Hà	100.000	20%	5.000.000.000	5.000.000.000	100.000	20%	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Constrexim Tân Long	516.136	28%	18.433.412.413	18.433.412.413	516.136	28%	18.433.412.413	18.433.412.413
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn xây dựng Constrexim (ICC)	90.000	30%	3.000.000.000	3.000.000.000	90.000	30%	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tư vấn Thiết kế Constrexim (CID)	20.408	20%	1.000.000.000	1.000.000.000	20.408	20%	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng			32.933.412.413	32.933.412.413			32.933.412.413	32.933.412.413

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên đơn vị	30/09/2020				01/01/2020			
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Constrexim số 1	150,000	11%	1,500,000,000	1,500,000,000	150,000	11%	1,500,000,000	1,500,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Cảnh Viên	276,570	18%	2,765,700,000	2,765,700,000	276,570	18%	2,765,700,000	2,765,700,000
Công ty Cổ phần Constrexim Việt Séc	32,000	2%	320,000,000	320,000,000	32,000	2%	320,000,000	320,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Đầu tư và xây lắp Cao tầng	180,000	7%	1,800,000,000	1,800,000,000	180,000	7%	1,800,000,000	1,800,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim số 8	97,938	5%	979,383,081	690,000,000	97,938	5%	979,383,081	690,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim số 6	69,000	7%	690,000,000	690,000,000	69,000	7%	690,000,000	690,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và XNK Phục Hưng	66,000	2%	660,000,000	625,000,000	66,000	2%	660,000,000	625,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển nhà Constrexim (HOD)	62,500	1%	625,000,000	549,950,000	62,500	1%	625,000,000	549,950,000
Công ty Cổ phần Constrexim TM	54,995	3%	549,950,000	500,000,000	54,995	3%	549,950,000	500,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	50,000	5%	500,000,000	500,000,000	50,000	5%	500,000,000	500,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Bình Định	50,000	2%	500,000,000	500,000,000	50,000	2%	500,000,000	500,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Miền Trung	45,000	5%	450,000,000	450,000,000	45,000	5%	450,000,000	450,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim (CIC)	40,000	2%	400,000,000	400,000,000	40,000	2%	400,000,000	400,000,000
Công ty Cổ phần Constrexim Hải phòng	27,287	5%	272,865,620	272,865,620	27,287	5%	272,865,620	272,865,620
Tổng cộng			12,012,898,701	10,373,515,620			12,012,898,701	10,373,515,620



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.3 Phải thu khách hàng

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
- Phải thu khách hàng xây lắp liên quan đến hợp đồng thầu phụ có điều kiện (*)	116.861.190.743	117.289.519.860
- Phải thu theo các hợp đồng xây lắp khác	112.207.058.515	144.583.050.335
- Phải thu liên quan đến các hoạt động khác	58.507.792.131	55.509.666.374
Tổng cộng	287.576.041.389	317.382.236.569

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện, Tổng công ty chỉ thanh toán cho các nhà thầu phụ sau khi nhận tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư.

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong đó phải thu các bên liên quan		
Công ty CP Constrexim Đông Đô	26.876.159	26.876.159
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	5.916.570.420	5.916.570.420
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA	71.019.890.547	70.770.078.558
Công ty TNHH CTX số 1	2.079.296.142	2.079.296.142
Công ty cổ phần Đức Tân long - Constrexim	892.649.712	892.649.712
Cty TNHH CTX Số 3	3.308.093.986	446.812.833
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	1.286.059.832	23.697.864.890
Công ty cổ phần Đầu tư INDOCHINA-CN KS tại Mường Hoa	986.072.068	
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L-CN Pentstudio	26.309.535	
Tổng cộng	85.541.818.401	103.830.148.714

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
- Công ty CP đầu tư PT Constrexim số 16	14.217.553.004	14.217.553.004
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	135.864.703.436	127.183.427.236
Tổng cộng	150.082.256.440	141.400.980.240

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước CONSTREXIM Toàn Cầu	86.506.389	86.506.389
Công ty CP Constrexim Đông Đô	4.126.680.288	1.762.936.361
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	7.544.509.825	7.544.509.825
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	557.758.267	557.758.267
Công ty TNHH MTV Xây dựng CTX số 1	31.159.775.786	24.390.187.005
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Constrexim	21.148.652	21.148.652
Công ty cổ phần Đức Tân long - Constrexim	1.173.304.065	1.173.304.065
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim	5.184.129.711	5.184.129.711
Bên liên quan khác	25.005.698	25.005.698
Tổng cộng	49.878.818.681	40.745.485.973

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Tạm ứng để thực hiện các hợp đồng xây lắp và dự án bất động sản	64.781.873.361	61.698.161.873
Phải thu công ty con	183.706.506.394	30.043.148
Tạm ứng để thực hiện các hoạt động khác	9.326.162.659	9.006.674.146
Phải thu phần trả hộ vốn góp	1.597.500.000	4.617.500.000
Lãi cho Công ty con vay, lãi tiền gửi	19.452.857.260	32.594.222.677
Tổng cộng	278.864.899.674	107.946.601.844

5.6 Hàng tồn kho và tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí dở dang của các dự án đầu tư:	502.584.351.118	448.485.594.500
Dự án Tòa nhà hỗn hợp Constrexim Complex (A1)	428.973.019.190	386.370.836.872
Dự án Tòa nhà VP và Thương mại Constrexim Plaza (E2)	73.611.331.928	62.114.757.628
Hàng tồn kho		
- Chi phí SXKD dở dang của Hoạt động xây lắp:	16.886.887.310	34.137.278.109
Công trình FPT Tower	222.441.626	13.034.577.244
Công trình thoát nước Bắc Kạn	11.556.403.105	11.556.403.105
Gói thầu BT04 Hệ thống cấp thoát nước Trụ sở Bộ Ngoại Giao	-	5.398.432.501
Chi phí SXKD dở dang của các hợp đồng XD khác	5.108.042.579	4.147.865.259
Tổng cộng	519.471.238.428	482.622.872.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá					
Số dư 30/06/2020	3.624.417.692	3.003.318.129	426.093.068	729.251.596	7.783.080.485
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2020	3.624.417.692	3.003.318.129	426.093.068	729.251.596	7.783.080.485
Hao mòn lũy kế					
Số dư 30/06/2020	1.922.314.764	2.856.688.558	426.093.068	729.251.596	5.934.347.986
Tăng trong kỳ	37.824.507	25.236.108	-	-	63.060.615
Khấu hao	37.824.507	25.236.108	-	-	63.060.615
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Góp vốn	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2020	1.960.139.271	2.881.924.666	426.093.068	729.251.596	5.997.408.601
Giá trị còn lại					
Tại 30/06/2020	1.702.102.928	146.629.572	-	-	1.848.732.500
Tại 30/09/2020	1.664.278.422	121.393.463	-	-	1.785.671.885

5.8 Bất động sản đầu tư

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Nhà cửa và vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 30/06/2020	32.677.383.198	1.325.696.427	34.003.079.625
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/09/2020	32.677.383.198	1.325.696.427	34.003.079.625
Giá trị hao mòn			
Tại ngày 30/06/2020	16.087.313.720	1.325.696.427	17.413.010.147
Khấu hao tăng trong kỳ	331.514.829	-	331.514.829
Khấu hao giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/09/2020	16.418.828.549	1.325.696.427	17.744.524.976
Giá trị còn lại			
Tại ngày 30/06/2020	16.590.069.478	-	16.590.069.478
Tại ngày 30/09/2020	16.258.554.649	-	16.258.554.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
- Tiền GPMB được khấu trừ vào Tiền thuê đất của dự án tòa nhà VP và thương mại CONSTREXIM Plaza (E2)	76.316.623	956.831.653 44.350.146
- Chi phí trả trước khác	76.316.623	1.001.181.799
Tổng cộng		

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
1-Vay ngắn hạn đối tượng khác		
- Vay ngắn hạn Ông Trần Minh Sơn	157.000.000.000	157.000.000.000
Cộng 1	157.000.000.000	157.000.000.000
2- Vay ngắn hạn đối tượng liên quan		
- Vay ngắn hạn Công ty CPĐT và QL BĐS Thăng Long	207.978.084.152	147.577.737.988
- Vay ngắn hạn Công ty CP Ocean View Nha trang	30.042.557.053	30.395.321.330
- Vay ngắn hạn Công ty CPĐT và TM Constrexim Nha Trang	2.562.370.493	2.604.384.663
- Vay ngắn hạn Công ty CP Thủy Điện La Ngâu	47.829.809.416	48.369.518.471
Cộng 2	288.412.821.114	228.946.962.452
Tổng cộng 1+2	445.412.821.114	385.946.962.452

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
- Phải trả người bán liên quan hoạt động dự án đầu tư	140.141.421.472	134.230.068.027
- Công ty CP Đầu tư Việt San	130.927.977.992	132.262.894.107
- Phải trả các khách hàng dự án khác	9.213.443.480	1.967.173.920
- Phải trả thầu phụ các hợp đồng xây lắp có điều kiện (*)	130.835.611.645	139.985.152.947
- Phải trả liên quan đến các hợp đồng xây lắp khác	63.201.350.664	107.743.761.289
- Các nhà cung cấp khác	9.599.495.282	13.096.187.962
Tổng cộng	343.777.879.063	395.055.170.225

(*) Theo các hợp đồng thầu phụ có điều kiện tổng công ty chỉ thanh toán cho nhà thầu phụ sau khi nhận được tiền thanh toán cho công trình từ chủ đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

Trong đó phải trả các bên liên quan:	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty CP đầu tư xây dựng và lắp máy điện nước	4.261.111.301	4.261.111.301
CONSTREXIM Toàn Cầu	10.032.407.015	7.668.663.088
Công ty CP Constrexim Đông Đô	661.275.244	661.275.244
Công ty CP XL và SX cầu kiện Constrexim	818.336.344	818.336.344
Công ty CP Constrexim Hồng Hà	7.585.445.589	8.796.091.589
Công ty TNHH CTX số 1	19.970.000	19.970.000
Công ty CP đầu tư và tư vấn XD Constrexim - ICC		
Công ty CP Đầu tư xây dựng tư vấn thiết kế Constrexim (CID)	1.840.140.177	1.840.140.177
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	2.866.710.000	1.861.500.000
Công ty TNHH CTX số 2	6.000.000.000	6.000.000.000
Bên liên quan khác	1.253.826.095	1.253.826.095
Tổng cộng	35.339.221.765	33.180.913.838

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
- Trả trước cho các công trình xây lắp	54.829.769.212	52.900.993.194
Hệ thống cấp thoát nước trụ sở Bộ	1.338.128.182	11.066.559.949
Thoát nước Bắc Kan	18.987.083.843	18.987.083.843
Thư viện tỉnh Nghệ An	15.999.217.117	15.999.217.117
Công trình khác	18.505.340.070	6.848.132.285
	1.304.529.169	1.302.505.673
- Tạm ứng cho các hoạt động khác	56.134.298.381	54.203.498.867
Tổng cộng		

Trong đó bên liên quan trả tiền trước	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty cổ phần thủy điện La Ngâu	1.560.655.944	1.560.655.944
Công ty TNHH Đầu tư C.T.L	10.468.820.951	
Tổng cộng	12.029.476.895	1.560.655.944

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Thuế và các khoản phải nộp khác	4.180.128.732	17.272.918.982
Tổng cộng	4.180.128.732	17.272.918.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

5.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí phải trả cho các hợp đồng thi công xây lắp	19.925.531.339	75.970.034.853
Chi phí phải trả cho các dự án	181.030.078.222	255.239.953.783
Chi phí phải trả khác	140.000.000	2.385.559.504
Tổng cộng	201.095.609.561	333.595.548.140

Chi phí phải trả dài hạn:

	30/09/2020 VND	01/01/2019 VND
Chi phí phải trả dài hạn		
Phải trả dự án Yên Hòa	17.021.511.710	17.021.511.710
Dự phòng trợ cấp thôi việc	291.614.310	291.614.310
Tổng cộng	17.313.126.020	17.313.126.020

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản phải trả liên quan đến CPH Tổng Công ty		23.017.807.009
Phải trả liên quan đến thanh lý hợp đồng thuê VP	6.789.471.447	5.294.511.588
Phải trả các cá nhân mua bất động sản theo thanh lý HĐ chuyển nhượng	4.208.632.242	4.208.632.242
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.235.973.057	2.281.673.057
Tiền đặt cọc để mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Thủy điện La Ngâu	1.800.000.000	1.800.000.000
Các khoản phải trả khác	79.862.643.711	5.974.445.006
Tổng cộng	94.896.720.457	42.577.068.902

5.16 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn và dài hạn bao gồm các khoản tiền thuê ứng trước của khách hàng để thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2020 VND	01/01/2020 VND
Các cổ đông	789.072.760.000	789.072.760.000
Thặng dư vốn cổ phần		
Tổng	789.072.760.000	789.072.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	789.072.760.000	789.072.760.000
Vốn góp tại ngày cuối năm	789.072.760.000	789.072.760.000

c. Cổ phiếu

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	78,907,276	78,907,276
Số lượng cổ phiếu đang niêm yết	78,907,276	78,907,276

d. Các quỹ

	30/09/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-

Tổng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

e. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư 01/01/2019	263.538.000.000	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	366.933.523.697	799.614.796.853
Tăng trong năm	525.534.760.000	-	-	-	72.220.855.498	597.755.615.498
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	72.220.855.498	72.220.855.498
Giảm trong năm	-	145.449.726.225	18.897.367.124	4.796.179.807	356.391.486.844	525.534.760.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	789.072.760.000	-	-	-	82.762.892.351	871.835.652.351
Số dư 01/01/2020	789.072.760.000	-	-	-	82.762.892.351	871.835.652.351
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	174.755.442.947	174.755.442.947
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	174.755.442.947	174.755.442.947
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/09/2020	789.072.760.000	-	-	-	257.518.335.298	1.046.591.095.298

5.18 Kết quả kinh doanh:

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Doanh thu xây dựng	-	155.264.851.782
Doanh thu cho thuê nhà, kd khác	-	1.446.688.397
Doanh thu hàng hóa, DV khác	3.824.370.271	1.000.000.000
Doanh thu hàng bất động sản	-	25.000.000.000
Tổng	3.824.370.271	182.711.540.179

b. Giá vốn hàng bán

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Giá vốn xây dựng	-	149.747.957.854
Giá vốn dịch vụ khác	-	1.369.522.273
Giá vốn bất động sản	3.283.910.494	1.039.265.003
Tổng	3.283.910.494	152.156.745.130

c. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	1.605.399.549	26.462.332.946
Tổng	1.605.399.549	26.462.332.946

d. Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Dự phòng đầu tư vào Công ty con	5.157.370.386	
Lãi tiền vay	-	
Tổng	5.157.370.386	-

e. Thu nhập khác

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Thu nhập khác	215.406.397	
Tổng	215.406.397	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020

f. Chi phí khác

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Chi phí khác	38.817.681	11.958.400
Tổng	38.817.681	11.958.400

g. Chi phí bán hàng và QLDN

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Chi phí tiền lương	1.024.563.598	729.355.000
Chi phí khấu hao TSCĐ, thương hiệu	394.575.444	394.575.444
Chi phí chung khác	451.992.697	607.008.591
Tổng	1.871.131.739	1.730.939.035

h. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Quý 3/2020 VND	Quý 3/2019 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.706.054.083)	55.274.230.560
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế		11.958.400
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế		
Chuyển lỗ quý 1/2020 sang		
Thu nhập tính thuế TNDN	(4.706.054.083)	55.286.188.960
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành		11.057.237.792

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Tổng Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và số liệu báo cáo tài chính quý 3/2019.

Đỗ Quốc Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2020



Hoàng Thị Hương Lan
Trưởng phòng Tài chính kế toán